

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE KON TUM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02
Báo cáo Kiểm toán độc lập	03
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán (B01 - DN)	04 - 05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (B02 - DN)	06
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03 - DN)	07
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (B09 - DN)	08 - 16

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Kon Tum (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Minh Huy	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Quang Long	Ủy viên
Ông Trần Văn Sự	Ủy viên

Ban Giám đốc

Bà Lê Thị Lan	Giám đốc
---------------	----------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Lê Thị Lan
Giám đốc

Kon Tum, ngày 21 tháng 02 năm 2017

Số: *7*/2017/BCKT.TC-ASA.03**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bến xe Kon Tum**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bến xe Kon Tum (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 21 tháng 02 năm 2017, từ trang 04 đến trang 16, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bến xe Kon Tum tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Phạm Trung Kiên**
Phó Tổng giám đốcGiấy Chứng nhận Đăng ký hành nghề Kiểm toán số:
2350-2014-239-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CHÂU Á (ASA)

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2017

Đỗ Quốc Việt
Kiểm toán viênGiấy Chứng nhận Đăng ký hành nghề Kiểm toán số:
2582-2014-239-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.463.167.359	2.688.416.676
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.156.819.306	1.136.636.405
1. Tiền	111	5	1.156.819.306	1.136.636.405
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.000.000.000	1.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	1.000.000.000	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		306.348.053	471.629.644
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	306.348.053	471.629.644
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	80.150.627
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	36.081.545
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	44.069.082
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31.717.180.668	31.474.255.943
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.618.816.125	3.211.930.845
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	3.618.816.125	3.211.930.845
Nguyên giá	222		5.842.165.741	5.206.401.196
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2.223.349.616)	(1.994.470.351)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	360.815.455
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	360.815.455
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		28.098.364.543	27.901.509.643
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	28.098.364.543	27.901.509.643
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		34.180.348.027	34.162.672.619

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		151.799.267	313.016.310
I. Nợ ngắn hạn	310		151.799.267	313.016.310
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	151.799.267	151.425.716
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		-	161.590.594
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		34.028.548.760	33.849.656.309
I. Vốn chủ sở hữu	410	11	34.028.548.760	33.849.656.309
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.797.400.000	32.797.400.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		563.566.534	354.626.478
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		667.582.226	697.629.831
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước.	421a		90.456.026	223.651.074
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) năm nay	421b		577.126.200	473.978.757
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		34.180.348.027	34.162.672.619

Kon Tum, ngày 21 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu



Phạm Thị Hải Ngọc

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hải Ngọc

Giám đốc



Lê Thị Lan

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	12	3.653.499.107	2.775.562.946
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		3.653.499.107	2.775.562.946
4. Giá vốn hàng bán	11	13	2.045.944.831	1.617.995.903
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.607.554.276	1.157.567.043
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	63.310.293	102.702.502
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	15	887.609.937	665.394.088
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		783.254.632	594.875.457
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	16	49.077.640	1.648.721
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(49.077.640)	(1.648.721)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		734.176.992	593.226.736
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	17	157.050.792	119.247.979
16. (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		577.126.200	473.978.757
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	18	176,00	145,00

Kon Tum, ngày 21 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu



Phạm Thị Hải Ngọc

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hải Ngọc



Giám đốc

Lê Thị Lan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		4.018.848.528	3.053.101.044
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(985.753.729)	(354.423.316)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.707.026.714)	(1.736.158.322)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		(97.159.124)	(163.317.061)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		19.601.564	82.062.730
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(945.900.531)	(476.055.719)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		302.609.994	405.209.356
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(86.753.636)	(360.815.455)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	600.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		63.310.293	102.702.502
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(23.443.343)	341.887.047
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(258.983.750)	(275.576.602)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(258.983.750)	(275.576.602)
Lưu chuyển tiền thuần từ trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		20.182.901	471.519.801
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.136.636.405	665.116.604
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	1.156.819.306	1.136.636.405

Người lập biểu

Ngọc

Phạm Thị Hải Ngọc

Kế toán trưởng

Ngọc

Phạm Thị Hải Ngọc

Giám đốc



Lê Thị Lan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.***THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Năm 2016****1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bến xe Kon Tum tiền thân là bến xe khách liên tỉnh Kon Tum trực thuộc Sở Giao thông vận tải Kon Tum. Được chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2007 của UBND tỉnh Kon Tum và Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 09 tháng 2 năm 2011 của UBND tỉnh Kon Tum về việc vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần bến xe Ô tô khách liên nội tỉnh Kon Tum.

Công ty Cổ phần Bến xe Kon Tum được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6100764426 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Kon Tum cấp ngày 31 tháng 5 năm 2010.

Ngành nghề kinh doanh

- Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh liên tỉnh, (theo tuyến cố định và hợp đồng taxi);
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác trừ ô tô chuyên dụng;
- Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ khác liên quan đến vận tải;
- Khách sạn nhà trọ;
- Dịch vụ ăn uống;
- Bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Cho thuê mặt bằng

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.***3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chế độ kế toán doanh nghiệp**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, đã được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 05 năm 2015 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ tài chính đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm	5 - 25 năm

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định một cách tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Tiền mặt	29.198.436	38.771.203
Tiền gửi ngân hàng	1.127.620.870	1.097.865.202
Cộng	1.156.819.306	1.136.636.405

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016 (VND)		31/12/2015 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000

(*) Đây là tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, từ ngày 21/12/2015 đến 21/12/2016, lãi suất 6,5%/năm.

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	19.601.564	53.313.562
- Phải thu lại của công nhân viên (*)	125.475.489	418.316.082
- Tạm ứng	161.271.000	-
Cộng	306.348.053	471.629.644

(*) Chi phí lương đã chi nhưng không được chủ sở hữu phê duyệt trong năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

8. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Tại ngày 31/12/2015	5.206.401.196	-	5.206.401.196
Số tăng trong năm	403.463.636	232.300.909	635.764.545
- Đầu tư XD CB hoàn thành	403.463.636	232.300.909	635.764.545
Tại ngày 31/12/2016	5.206.401.196	232.300.909	5.842.165.741
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 31/12/2015	1.994.470.351	-	1.994.470.351
Số tăng trong năm	205.649.174	23.230.091	228.879.265
- Khấu hao trong năm	205.649.174	23.230.091	228.879.265
Tại ngày 31/12/2016	2.200.119.525	23.230.091	2.223.349.616
Giá trị còn lại			
Tại ngày 31/12/2015	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	3.006.281.671	209.070.818	3.618.816.125

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Giá trị lợi thế kinh doanh bến xe đã được định giá	27.901.509.643	27.901.509.643
Chi phí sửa chữa sân bến	33.379.028	-
Chi phí sửa chữa tường rào	41.706.061	-
Chi phí sửa chữa bồn cây và vệ sinh xung quanh	71.641.819	-
Chi phí trả trước khác	50.127.992	-
Cộng	28.098.364.543	27.901.509.643

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

a. Các khoản phải trả

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Thuế Giá trị gia tăng	134.476.681	149.925.716
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	15.822.586	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.500.000	1.500.000
Cộng	151.799.267	151.425.716

b. Bảng biến động tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

	31/12/2015 VND	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016 VND
Thuế Giá trị gia tăng	149.925.716	365.349.421	380.798.456	134.476.681
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(44.069.082)	157.050.792	97.159.124	15.822.586
Thuế thu nhập cá nhân	1.500.000	6.459.450	6.459.450	1.500.000
Thuế đất	-	336.984.838	336.984.838	-
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	107.356.634	868.844.501	824.401.868	151.799.267

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu (chi tiết theo phụ lục số 01)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước SCIC	31.822.900.000	31.822.900.000
Phạm Quang Long	27.500.000	27.500.000
Trần Thị Hoa	27.000.000	27.000.000
Trần Hồng Long	27.000.000	27.000.000
Phạm Việt Nam	26.500.000	26.500.000
Trần Minh Huy	26.000.000	26.000.000
Các cổ đông còn lại trong công ty	840.500.000	840.500.000
Cộng	32.797.400.000	32.797.400.000

c. Cổ phiếu

	Năm 2016 Số lượng	Năm 2015 Số lượng
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.279.740	3.279.740
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	3.279.740	3.279.740
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	3.279.740	3.279.740
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

12. DOANH THU

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.653.499.107	2.775.562.946
Cộng	3.653.499.107	2.775.562.946

13. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.045.944.831	1.617.995.903
Cộng	2.045.944.831	1.617.995.903

14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi	63.310.293	102.702.502
Cộng	63.310.293	102.702.502

15. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lương nhân viên	582.907.626	518.248.070
Chi phí văn phòng phẩm	61.706.684	14.015.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	110.127.545	77.905.612
Chi phí khác	132.868.082	55.225.406
Cộng	887.609.937	665.394.088

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

16. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Phạt nộp chậm thuế	25.076.970	1.648.721
Phạt vi phạm giao thông	24.000.000	-
Tổng	49.076.970	1.648.721

17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	734.176.992	593.226.736
Các khoản điều chỉnh tăng	51.076.969	3.013.158
- Chi phí không được trừ khi tính thuế	51.076.969	3.013.158
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	785.253.961	596.239.894
- Chi phí thuế TNDN (thuế suất 20%)	157.050.792	119.247.979
Thuế TNDN được miễn giảm	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	157.050.792	119.247.979

18. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được thực hiện trên cơ sở số liệu sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	577.126.200	473.978.757
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.279.740	3.279.740
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	176,00	145,00

19. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của năm trước đã được phân loại lại để làm cơ sở so sánh với các số liệu của năm hiện hành. Cụ thể, do có sai sót trong trình bày nên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phát hành ngày 22 tháng 3 năm 2016, số báo cáo 17/2016/BCKT.TC-ASA.01 bị ảnh hưởng như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Trình bày lại trong báo cáo năm nay VND	Theo báo cáo năm trước VND
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	161.590.594	30.340.594
- Quỹ đầu tư phát triển	418	354.626.478	305.301.616
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước.	421a	223.651.074	805.050.517
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) năm nay	421b	473.978.757	73.154.176

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

20. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

21. THÔNG TIN KHÁC

Ngoài những thông tin đã trình bày ở trên không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh không liên tục.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Kon Tum, ngày 21 tháng 02 năm 2017

Giám đốc



Phạm Thị Hải Ngọc

Phạm Thị Hải Ngọc



Là Thị Lan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Phụ lục số 01
Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa pp	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2014					
Lãi trong năm trước	32.797.400.000	121.768.439	58.438.207	805.050.517	33.782.657.163
Tăng khác	-	-	-	473.978.757	473.978.757
Giảm khác: Chi trả cổ tức và phụ cấp cho HĐQT (*)	-	232.858.039	-	-	232.858.039
Chi trả cổ tức	-	-	58.438.207	581.399.443	639.837.650
Phụ cấp cho HĐQT	-	-	-	215.729.611	215.729.611
Phân phối lợi nhuận - Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	60.000.000	60.000.000
Phân phối lợi nhuận - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	174.419.832	174.419.832
Giảm khác	-	-	-	131.250.000	-
	-	-	58.438.207	-	-
Tại ngày 31/12/2015	32.797.400.000	354.626.478	-	697.629.831	33.849.656.309
Lãi trong năm nay	-	-	-	577.126.200	577.126.200
Tăng khác	-	210.940.055	-	-	210.940.055
Giảm khác	-	1.999.999	-	-	1.999.999
Giảm khác: Chi trả cổ tức và phụ cấp cho HĐQT, phân phối lợi nhuận (**)	-	-	-	607.173.805	607.173.805
Chi trả cổ tức	-	-	-	204.983.750	204.983.750
Phụ cấp cho HĐQT	-	-	-	60.000.000	60.000.000
Phân phối lợi nhuận - Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	210.940.055	210.940.055
Phân phối lợi nhuận - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	131.250.000	131.250.000
Tại ngày 31/12/2016	32.797.400.000	563.566.534	-	667.582.226	34.028.548.760

(*) Theo Nghị quyết số 46/NĐ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 30 tháng 6 năm 2015, lợi nhuận sau thuế 2014: 581.399.443 VND được phân phối như sau: Chi phụ cấp Hội đồng quản trị không chuyên trách 60.000.000 VND; Chia cổ tức cho các cổ đông là 215.729.611 VND; Trích quỹ đầu tư phát triển 174.419.832 VND; Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho CBCNV là 131.250.000 VND.

(**) Theo Nghị quyết số 73/NĐ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 30 tháng 6 năm 2016, lợi nhuận sau thuế lũy kế trước năm 2015: 133.197.048 VND và lợi nhuận sau thuế năm 2015: 473.978.757 VND được phân phối như sau: Chi phụ cấp Hội đồng quản trị không chuyên trách 60.000.000 VND; Chia cổ tức cho các cổ đông là 204.983.750 VND; Trích quỹ đầu tư phát triển 210.940.055 VND; Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho CBCNV là 131.250.000 VND.